TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lộc

Ông Nguyễn Thành Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Khương Thị T** - sinh năm 1986; CCCD số 001186052345 cấp ngày 31/8/2021.

Nơi thường trú: Số C, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Đào Đắc T1** - sinh năm: 1981

Địa chỉ: Số C, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T và anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Khương Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đào Đắc T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau sau đó vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là thị trấn D) ngày 26/12/2008. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, lớn tiếng thậm chí xúc phạm danh dự lẫn nhau. Anh T1 thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt say xỉn, kiếm chuyện vô cớ chửi bới vợ con làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Do mâu thuẫn trầm trọng nên năm 2014 tôi đã chuyển về nhà cha mẹ ruột để sinh sống tại xã H, sau khi được gia đình hòa giải tôi đã cho anh T1 cơ hội sửa đổi và về sống chung với nhau nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn thì lại bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh T1 vẫn chứng nào tật nấy không sửa đổi.

Chỉ thời gian ngắn sau khi quay về thì do mâu thuẫn trầm trọng nên tôi và anh T1 đã không còn sống chung với nhau mà ly thân cho đến nay. Qúa trình ly thân giữa tôi và anh T1 mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đào Đắc Thắng để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung Đào Khương Anh K, sinh ngày 22/9/2007 và Đào Khương Anh K1, sinh ngày 02/4/2013. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Hiện nay tôi làm công nhân thu nhập bình quân hàng tháng từ khoảng 12 triệu đến 14 triệu đồng. Ngoài ra tôi đang sinh sống ổn định cùng cha mẹ nên có điều kiện được cha mẹ phụ giúp việc chăm sóc và nuôi dạy con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Anh Đào Đắc T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các buổi làm việc và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận ý kiến trình bày.**

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên ngày 20/6/2024 nguyên đơn chị T có "Đơn xin xét xử vắng mặt", đồng thời do bị đơn anh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Khương Thị T được ly hôn với anh Đào Đắc T1; Về con chung: Giao cháu Đào Khương Anh K, sinh ngày 22/9/2007

và Đào Khương Anh K1, sinh ngày 02/4/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Khương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2024 cho nguyên đơn chị Khương Thị T và anh Đào Đắc T1. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh T1 đều vắng mặt, ngày 20/6/2024 chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Khương Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đào Đắc Thắng và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Đào Đắc T1 hiện đang cư trú tại số C, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Khương Thị T là nguyên đơn, anh Đào Đắc T1 là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Khương Thị T và anh Đào Đắc T1 khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã X (nay là thị trấn D), huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/12/2008 (BL 01a, 02) theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị T và anh T1 đã để xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài.

Vợ chồng thiếu sự quan tâm lẫn nhau và trách nhiệm trong việc xây dựng cuộc sống hôn nhân nên để xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2014, đã có thời gian hòa giải đoàn tụ quay về nhưng sau đó thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay (BL 18, 19). Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6.2] Qúa trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đào Đắc Thắng để làm việc, lấy lời khai và các quá trình tố tụng khác cũng như tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành làm việc, lấy lời khai của anh T1 được. Điều này thể hiện anh T1 không có thiện chí hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[7] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh T1 chung sống có 02 con chung là cháu Đào Khương Anh K, sinh ngày 22/9/2007 và Đào Khương Anh K1, sinh ngày 02/4/2013. Xét yêu cầu của chị T được nuôi dưỡng cháu K và cháu K1 là có căn cứ, bởi lẽ theo cháu K và cháu K1 xác định trong trường cha mẹ không còn chung sống với nhau thì các cháu có nguyên vọng được sống với mẹ (BL 23, 24). Ngoài ra, quá trình vợ chồng chị T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, cháu K và cháu K1 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (công nhân) thu nhập bình quân khoảng 12 triệu/tháng đến 14 triệu/tháng. Thêm vào đó chị T hiện đang sống cùng cha mẹ nên có sự hỗ trợ cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho con. Nhận thấy, chị T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần tiếp tục giao cháu Đào Khương Anh K và Đào Khương Anh K1 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T1.

[9] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khương Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với anh Đào Đắc T1. Xử cho chị Khương Thị T và anh Đào Đắc T1 ly hôn.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Đào Khương Anh K, sinh ngày 22/9/2007 và Đào Khương Anh K1, sinh ngày 02/4/2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.2.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Đào Đắc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Khương Thị T không yêu cầu.

[2.2.2] Sau khi ly hôn anh T1 vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Khương Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0007582 ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND TT. D, h. T, t. Đồng Nai (số ĐKKH 125/2016, quyển số 01/2008 ngày 26/12/2008);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Cường